

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2023/DS-PT

Ngày: 29-12-2023

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, lối đi và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất, lối đi và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 243/2023/QĐ-PT ngày 26/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Đình T, sinh năm: 1966; cư trú tại số A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Kiều Văn V, sinh năm: 1965, bà Phạm Thị Q, sinh năm: 1965; cư trú tại số D, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Vợ chồng ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1987, bà Kiều Thị M, sinh năm: 1989; cư trú tại số E, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 04, quyền số 01 (1) -

SCT/CK,CD do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 30/7/2019); có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Vợ chồng ông Vũ Văn C1, sinh năm: 1967, bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1975; cư trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1987, bà Kiều Thị M, sinh năm: 1989; cư trú tại số E, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

3. Ông Phạm Trung S, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Đình T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 06/4/2021, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Bùi Đình T thì: Nguồn gốc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông khai phá năm 1997 và làm chòi, lúc này vẫn có đường mòn đi ra đường công cộng.

Đến ngày 28/4/1999 ông được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.245m² (ĐRM), thuộc thửa số 23 và diện tích 5.920m² (AO), thuộc thửa 24, đều thuộc tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sử dụng, đến ngày 09/5/2019 ông được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 10.165m², thuộc thửa số 260, thuộc tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 03/6/2019 ông đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông C1, bà Đ; đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/6/2019; việc chuyển nhượng nói trên đã xong, nay ông không tranh chấp gì với vợ chồng ông C1, bà Đ.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông V, bà Q trả lại cho ông phần đất có diện tích 344m² [4m x (91m + 83m)] là đường đi vào thửa đất số 260 nói trên do đây là đường đi chung của 02 thửa đất đất số 260, tờ bản đồ số 59 và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 02, tất cả đều tọa lạc tại xã T, huyện Đ; con đường này được ông sử dụng từ trước kia.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Thành C, bà Kiều Thị M, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q, thì: Năm 2003 vợ chồng ông V, bà Q nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N (trước đây ông N nhận chuyển nhượng của ông Ya L) lô đất có diện tích 10.230m², trên đất có trồng cây cà phê, nay đã phá bỏ trồng cây hoa màu ngắn ngày, thuộc

thửa số 19, tờ bản đồ số 02 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sử dụng, đến ngày 08/01/2008 vợ chồng ông V, bà Q được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 990280, mang tên hộ bà Phạm Thị Q. Đến ngày 10/3/2011 vợ chồng ông V, bà Q chuyển nhượng cho ông Phạm Anh D (em ruột của bà Q) 4.672m² đất thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 5.558m² còn lại thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là của vợ chồng ông V, bà Q, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận ngày 23/5/2016. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên vợ chồng ông V, bà Q nhưng thực tế vợ chồng ông V, bà Q cho con gái là bà Kiều Thị M, con rể là ông Nguyễn Thành C sử dụng từ năm 2015 đến nay; con đường ông T tranh chấp nằm trong phần đất vợ chồng ông C, bà M sử dụng và có 01 phần đã chuyển nhượng cho người khác.

Trước đây vợ chồng ông V, bà Q chỉ cho ông T đi nhờ trên với phần đất có diện tích 344m² [4m x (91m + 83m)] để vào thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, nay không cho nguyên đơn đi nữa vì diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông V, bà Q. Do vậy vợ chồng ông V, bà Q không đồng ý với yêu cầu của ông T và vợ chồng ông C1, bà Đ.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Vũ Văn C1, bà Phạm Thị Đ thì: Tại thời điểm vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T thì có con đường mòn; đây là đường đi chung hiện nay của 02 thửa đất số 260 của vợ chồng ông, bà và thửa đất số 19 là của vợ chồng ông V, bà Q (hiện nay vợ chồng ông C, bà M đang sử dụng phần đất này).

Theo vợ chồng ông, bà được biết đất của vợ chồng ông V, bà Q được nhận chuyển nhượng lại qua hai lần chủ chứ không phải do vợ chồng ông V, bà Q khai phá vì đất của ông T ở phía trong là em rể của vợ chồng ông, bà. Ngày 03/6/2019 vợ chồng ông, bà đã nhận chuyển nhượng toàn bộ lô đất có diện tích 10.165m², thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng của ông T và đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/6/2019. Ngày 22/4/2021 vợ chồng ông, bà đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông Phạm Trung S; được Văn phòng C2 chứng nhận ngày 22/4/2021.

Trên thực tế vợ chồng ông, bà có đi lại trên con đường hiện nay đang tranh chấp từ năm 2000 để vào nhà ông T vì vợ chồng ông, bà ở gần đó. Hiện tại căn nhà ông T đã bị lũ cuốn trôi, con đường bị bỏ một thời gian, vợ chồng ông, bà khẳng định có con đường đi bị lấn chiếm; đề nghị Tòa án xem xét để vợ chồng ông, bà có con đường đi.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích 344m² [4m x (91m + 83m)] là đường đi đi vào thửa số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh

Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông, bà vì trước đây khi ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà cũng đã nói vậy.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Thành C, bà Kiều Thị M thì: phần đất có diện tích 344m² [4m x (91m + 83m)] nói trên vợ chồng ông, bà đã được cha, mẹ cho trước đó nhưng chưa làm thủ tục sang tên được vì hiện nay đang tranh chấp với ông T, Trong thực tế thì vào năm 2015 khi vợ chồng ông, bà làm vườn thì có để con đường chạy giữa đất có chiều ngang 01m dài 80m để thuận tiện cho việc làm lagim, tưới nước và vận chuyển hàng hóa chứ không phải là đường mòn mà vợ chồng ông C1, bà Đ trình bày. Nay ông T, vợ chồng ông C1, bà Đ yêu cầu trả lại thì vợ chồng ông, bà không đồng ý.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Trung S thì: ngày 22/4/2021 giữa ông và vợ chồng ông C1, bà Đ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đó vợ chồng ông C1, bà Đ chuyển nhượng cho ông toàn bộ lô đất có diện tích 10.165m², thuộc thửa số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, hợp đồng đã được Văn phòng C2 công chứng cùng ngày; giá chuyển nhượng là 1.100.000.000, ông đã trả 1.000.000.000đ, còn nợ lại 100.000.000đ nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi giá chuyển nhượng là 110.000.000đ; ông đã nhận đất và sử dụng từ trước tháng 4/2021 cho đến nay.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông C1, bà Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và đề nghị Toà án công nhận diện tích 10.165m² đất, thửa số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông.

Do không có lối đi nào khác vào thửa đất số 260 vừa nêu nên ông yêu cầu vợ chồng ông V, bà Q, vợ chồng ông C, bà M mở lối đi thuộc quyền sử dụng riêng của ông đến thửa số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ cho ông.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 23/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023; Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đình T và bị đơn vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q về vụ việc tranh chấp về lối đi và quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đình T yêu cầu vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q trả lại 344m² đất, thửa 01 thuộc thửa 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn C1 đối với bị đơn vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q về vụ việc tranh chấp về lối đi và quyền sử dụng đất.

- Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Vũ Văn C1, bà Phạm Thị Đ và bên nhận chuyển là ông Phạm Trung S lập ngày 22/4/2021 có hiệu lực pháp luật.

+ Công nhận diện tích 10.165m² đất, thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Phạm Trung S.

+ Công nhận diện tích 288m² đất, thuộc 01 thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là lối đi và thuộc quyền sử dụng đất riêng của ông Phạm Trung S.

Ông Phạm Trung S được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích 288m² đất, thuộc 01 thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Phạm Trung S có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q 250.000.000đ tiền giá trị đất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 29/3/2023 ông Bùi Đình T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Bùi Đình T xác định chỉ kháng cáo đối với nội dung yêu cầu vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q trả lại 344m² đất, thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; các phần khác của Bản án sơ thẩm ông không kháng cáo.

Ông Nguyễn Thành C, bà Kiều Thị M không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông Bùi Đình T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q trả lại cho ông diện tích đất 344m² [4m x (91m + 83m)] là con đường đi vào thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Vũ Văn C1, bà Phạm Thị Đ có yêu cầu độc lập đề nghị xác định diện tích đất nói trên là lối đi của vợ chồng ông, bà; vợ chồng ông V, bà Q không đồng ý. Ông Phạm Trung S có yêu cầu độc lập yêu cầu đề nghị vợ chồng ông C1, bà Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông lô đất có diện tích 10.165m², thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ đồng thời yêu cầu mở lối đi vào đất của ông nên các bên phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Vào năm 2003 vợ chồng ông V, bà Q nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 10.230m² thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 02 của ông Nguyễn Văn N, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 990280, mang tên hộ bà Phạm Thị Q vào ngày 08/01/2008. Ngày 10/3/2011 bị đơn chuyển nhượng cho ông Phạm Anh D 4.672m² được tách từ thửa 19, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 79) nói trên; phần đất còn lại có diện tích 5.558m² đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận tách thành thửa 80 ngày 23/5/2016; đối với phần diện tích 344m² đi vào thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mà ông T đang tranh chấp hiện nay thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông V, bà Q.

[2.2] Ông T cho rằng nguồn gốc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 59, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông khai phá năm 1997 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.245m² (ĐRM) thuộc thửa 23 và 5.920m² (AO), thuộc thửa 24, đều thuộc tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 1999.

[2.3] Đến ngày 09/5/2019 nguyên đơn được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thành thửa đất 260, tờ bản đồ số 59, xã T với diện tích là 10.165m² thuộc tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; hồ sơ cấp mới lần đầu và cấp đổi đều có sơ đồ cũng như trích lục thửa đất; tuy nhiên trong các sơ đồ này cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan có thẩm quyền cấp cho ông T không có thể hiện lối đi vào đất; trong thực tế thì lối đi mà ông T đang tranh chấp cũng không thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn.

[2.4] Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm thì ông Ya L (chủ đất cũ) cũng xác định nguồn gốc đất của vợ chồng ông V, bà Q trước đây là

do ông khai phá, khi ông không có ở nhà thì em của ông có cho ông T đi nhờ qua đất nhà ông vào đất của ông T, phần đất cho đi nhờ vẫn thuộc quyền sử dụng của ông, sau đó ông chuyển nhượng cho người khác nay đến vợ chồng ông V, bà Q sử dụng. Theo họa đồ đo đạc hiện thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thực hiện ngày 03/8/2020 thì phần đất tranh chấp gần như đi vào giữa phần đất của bị đơn đang sử dụng nên nguyên đơn cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của mình và sử dụng làm đường đi từ trước đến nay là vô lý.

[2.5] Như vậy, có căn cứ xác định diện tích 344m² đất nói trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng bị đơn; nguyên đơn cho rằng đất này là của mình nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng và toàn diện nội dung vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình T; cần giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q trả lại 344m² đất thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[4 Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

Ông T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của ông Bùi Đình T về việc yêu cầu vợ chồng ông Kiều Văn V, bà Phạm Thị Q trả lại 344m² đất thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc ông Bùi Đình T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 1.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000783 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông T được nhận lại số tiền 1.200.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

- Án phí phúc thẩm: Buộc ông Bùi Đình T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013324 ngày 14/4/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đức Trọng (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch